

**BỘ TÀI CHÍNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: **5302** /BTC-NSNN

Hà Nội, ngày **28** tháng **4** năm **2026**

V/v đánh giá hiệu quả kinh tế - xã hội,  
hiệu quả đầu tư đối với Kế hoạch đầu tư  
công trung hạn giai đoạn 2026 - 2030

Kính gửi:

- Các bộ, cơ quan ngang bộ và các cơ quan khác ở Trung ương;
- Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Tập đoàn Điện lực Việt Nam, Tổng công ty đầu tư phát triển đường cao tốc Việt Nam.

Thực hiện Kết luận số 18-KL/TW ngày 02/4/2026 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng về Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, tài chính quốc gia và vay, trả nợ công, đầu tư công trung hạn 5 năm 2026 – 2030 (KHĐTCTH) gắn với thực hiện mục tiêu phấn đấu tăng trưởng "hai con số"; ngày 23/4/2026, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Chỉ thị số 16/CT-TTg về quản lý và sử dụng vốn đầu tư công gắn với hạch toán kinh tế - xã hội, đánh giá hiệu quả đầu tư (sau đây gọi tắt là Chỉ thị 16), trong đó yêu cầu các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan khác quán triệt nguyên tắc việc hạch toán kinh tế - xã hội, đánh giá hiệu quả đầu tư của dự án phải được thực hiện xuyên suốt trong quá trình từ xây dựng nhu cầu, phân bổ vốn, đến tổ chức thực hiện, quản lý sử dụng vốn đầu tư công và vận hành, khai thác dự án sau khi hoàn thành đầu tư; tăng cường kỷ luật, kỷ cương, kiên quyết phòng chống tham nhũng, lãng phí trong hoạt động đầu tư công. Đồng thời, tại Chỉ thị số 16, Thủ tướng Chính phủ cũng yêu cầu các bộ, cơ quan trung ương, địa phương triển khai các nhiệm vụ về quản lý và sử dụng vốn đầu tư công gắn với hạch toán kinh tế - xã hội, đánh giá hiệu quả đầu tư, đẩy nhanh tiến độ xây dựng kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026 – 2030.

Căn cứ quy định của pháp luật về đầu tư công, ngân sách nhà nước, tài sản công, Chỉ thị số 16/CT-TTg của Thủ tướng Chính phủ, liên quan đến việc quản lý và sử dụng vốn đầu tư công gắn với hạch toán kinh tế - xã hội, đánh giá hiệu quả đầu tư, trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ được giao, Bộ Tài chính đề nghị:

**1. Về việc rà soát, xác định nhu cầu KHĐTCTH nguồn NSTW giai đoạn 2026-2030**

Đề nghị các bộ, cơ quan trung ương, địa phương thực hiện theo đúng chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ tại Chỉ thị số 16/CT-TTg; đối với từng dự án khi đăng

ký nhu cầu vốn KHĐTCTH phải báo cáo về sự cần thiết, tính khả thi, tính hiệu quả, sự phù hợp với quy hoạch có liên quan, dự kiến nguồn vốn và mức vốn, trong đó lưu ý:

a) Thực hiện báo cáo cụ thể nhu cầu của từng chương trình, nhiệm vụ, dự án trên Hệ thống thông tin và cơ sở dữ liệu quốc gia về đầu tư công<sup>1</sup>, cung cấp đầy đủ thông tin, tài liệu: tên dự án, cơ quan chủ quản, nhóm dự án, ngành, lĩnh vực của dự án, phân loại dự án phù hợp với tiến độ của dự án (chuẩn bị đầu tư, chuyển tiếp, khởi công mới, dự án hoàn thành bố trí trả quyết toán); thông tin về địa điểm thực hiện, dự kiến thời gian khởi công và hoàn thành, đảm bảo thời gian bố trí vốn cho dự án theo quy định của pháp luật đầu tư công (*dự án nhóm A không quá 06 năm, nhóm B không quá 04 năm, nhóm C không quá 03 năm*); thông tin về năng lực thiết kế, năng lực tăng thêm dự kiến; các quyết định liên quan đến dự án (như: Quyết định phê duyệt dự toán chuẩn bị đầu tư, quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư, quyết định đầu tư, quyết định phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành); các thông tin khác theo yêu cầu của Hệ thống, bảo đảm đồng bộ, thống nhất, phục vụ công tác tổng hợp.

b) Làm rõ căn cứ chính trị, căn cứ pháp lý của việc đề xuất dự án, như: chủ trương, Nghị quyết, Kết luận của Trung ương Đảng, Nghị quyết của Quốc hội, Chính phủ; chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm và hàng năm của quốc gia, ngành, vùng, địa phương; các cam kết quốc tế (nếu có).

c) Các nội dung của báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư phải đảm bảo theo quy định tại Điều 33, Điều 34, Điều 35 Luật Đầu tư công và các văn bản pháp luật có liên quan, trong đó:

- Phân đấu lượng hóa tối đa hiệu quả đầu tư thay cho việc sử dụng các đánh giá định tính, đối với các dự án không lượng hóa được đầy đủ hiệu quả tài chính, hiệu quả kinh tế - xã hội, cần đánh giá tác động trực tiếp và gián tiếp của dự án đối với tăng trưởng, phát triển kinh tế, góp phần đảm bảo, nâng cao chất lượng an sinh xã hội, văn hóa, y tế và giáo dục, tăng cường tiềm lực quốc phòng, an ninh.

- Lưu ý đảm bảo các nội dung về xác định sơ bộ hiệu quả kinh tế - xã hội của dự án; sự cần thiết đầu tư, các điều kiện để thực hiện đầu tư; đánh giá về sự phù hợp với quy hoạch có liên quan theo quy định của pháp luật về quy hoạch; dự báo nhu cầu, phạm vi phục vụ và dự kiến mục tiêu đầu tư, quy mô và hình thức đầu tư; phân tích, lựa chọn sơ bộ về công nghệ, kỹ thuật; phân tích, lựa chọn sơ bộ các phương án đầu tư và quy mô các hạng mục đầu tư; đánh giá sơ bộ tác động xã

<sup>1</sup> Bảng văn bản đối với các dự án được quản lý theo chế độ tài liệu mật theo Luật bảo vệ bí mật Nhà nước.

hội; đánh giá sơ bộ tác động môi trường (nếu có) theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

- Dự kiến tổng mức đầu tư và cơ cấu nguồn vốn, trong đó: Tổng mức đầu tư sơ bộ (đối với dự án đang ở bước đề xuất chủ trương đầu tư) hoặc tổng mức đầu tư đã được phê duyệt (đối với dự án đã có quyết định chủ trương đầu tư, quyết định đầu tư); làm rõ dự kiến cơ cấu nguồn vốn (gồm: ngân sách trung ương, ngân sách địa phương và các nguồn hợp pháp khác). ***Trong đó, việc xác định tổng mức đầu tư phải căn cứ theo các quy chuẩn, tiêu chuẩn, định mức kinh tế - kỹ thuật theo các pháp luật chuyên ngành, đảm bảo tiết kiệm, chống lãng phí.***

d) Đánh giá mức độ sẵn sàng của dự án, dự kiến tiến độ giải phóng mặt bằng, tiến độ khởi công, hoàn thành, tiến độ triển khai các thủ tục đầu tư còn lại, các khó khăn vướng mắc (nếu chưa đủ thủ tục).

đ) Việc đăng ký nhu cầu vốn phải phù hợp với khả năng thực hiện và giải ngân thực tế; kiên quyết không để xảy ra tình trạng đăng ký vốn cao để giữ vốn nhưng không có khả năng triển khai, gây lãng phí nguồn vốn ngân sách nhà nước theo đúng chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ. Phải đảm bảo phân bổ vốn, giao kế hoạch và dự toán đúng thời gian theo quy định của pháp luật ngân sách nhà nước, pháp luật đầu tư công<sup>2</sup>.

## **2. Đối với tổ chức thực hiện dự án, quyết toán hoàn thành dự án, khai thác, vận hành công trình**

a) Việc tổ chức thực thi là khâu đặc biệt quan trọng, quyết định mức độ hoàn thành kế hoạch, mức độ phát huy hiệu quả kinh tế - xã hội của dự án. Do đó, các bộ, cơ quan trung ương, địa phương, các đơn vị sử dụng vốn đầu tư công phải phát huy trách nhiệm cao nhất trong tổ chức thực thi qua từng khâu, từng bước. Trên cơ sở quyết định đầu tư dự án và nguồn vốn đầu tư công hàng năm được giao, các bộ, cơ quan trung ương và địa phương, các chủ đầu tư căn cứ các pháp luật chuyên ngành về xây dựng, đất đai, đấu thầu, bảo vệ môi trường, phòng cháy, chữa cháy... để tổ chức thực hiện dự án. Tại mỗi khâu, mỗi bước cần quán triệt nguyên tắc tuân thủ quy định của pháp luật, sử dụng vốn trách nhiệm, hiệu quả, tiết kiệm, thực hiện từng nhiệm vụ phải đảm bảo tiến độ quy định.

b) Trong quá trình thực hiện dự án, quyết toán hoàn thành dự án, khai thác, vận hành công trình, các cơ quan chủ quản, các chủ đầu tư dự án, và đơn

<sup>2</sup> Quy định tại Điều 59, Điều 60 Luật Đầu tư công số 58/2024/QH15 đã được sửa đổi, bổ sung tại Luật số 90/2025/QH15 và Điều 52 Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15.

vị quản lý sử dụng phải thực hiện nghiêm việc giám sát, đánh giá đầu tư theo quy định tại Nghị định số 19/2026/NĐ-CP ngày 14/01/2026 của Chính phủ quy định về trình tự, thủ tục thẩm định dự án quan trọng quốc gia và giám sát, đánh giá đầu tư. Trong đó lưu ý, theo quy định tại Luật Xây dựng và Nghị định số 19/2026/NĐ-CP, sau khi dự án hoàn thành, bàn giao đưa vào sử dụng, cơ quan chủ quản và đơn vị quản lý, sử dụng cần có **đánh giá kết thúc** nhằm xem xét các kết quả đạt được, rút ra các bài học kinh nghiệm và **đánh giá tác động** nhằm làm rõ hiệu quả, tính bền vững và tác động kinh tế - xã hội so với mục tiêu đặt ra ban đầu.

c) Để hướng dẫn về đánh giá đầu tư đối với dự án đầu tư công, ngày 22/4/2026, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 44/2026/TT-BTC của quy định về mẫu báo cáo giám sát, đánh giá đầu tư; chế độ báo cáo trực tuyến và quản lý vận hành hệ thống thông tin về giám sát, đánh giá đầu tư, do đó đề nghị các bộ, cơ quan trung ương, địa phương khẩn trương nghiên cứu, tổ chức triển khai thực hiện theo hướng dẫn.

### **3. Đối với một số lĩnh vực có liên quan đến chức năng quản lý của Bộ Tài chính**

a) Đầu tư xây dựng trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp:

Tại Kết luận số 18-KL/TW ngày 02/4/2026 của Ban chấp hành Trung ương Đảng khóa XVI có nêu: *“Trong điều kiện ngân sách còn khó khăn, tận dụng tối đa công năng sử dụng các trụ sở làm việc hiện có; hạn chế tối đa việc xây dựng trụ sở, trung tâm hành chính mới tại các tỉnh, thành phố; các bộ, ngành, cơ quan, địa phương chịu trách nhiệm về sự cần thiết khi quyết định, bảo đảm hiệu quả sử dụng ngân sách nhà nước, không để ảnh hưởng đến các mục tiêu quan trọng khác, chống lãng phí, tiêu cực”*.

- Trong đó, việc đầu tư xây dựng trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp phải đảm bảo tuân thủ theo đúng chỉ đạo tại Kết luận số 18-KL/TW nêu trên; phải phù hợp với tiêu chuẩn, định mức do cơ quan, người có thẩm quyền ban hành, bảo đảm sử dụng NSNN hiệu quả, tiết kiệm, chống lãng phí.

- Các Bộ, cơ quan trung ương, địa phương và các cơ quan, tổ chức, đơn vị quản lý, sử dụng nhà, đất khi thực hiện sắp xếp, tổ chức bộ máy mà có nhà, đất dôi dư thì phải khai thác, xử lý triệt để, tránh thất thoát, lãng phí.

b) Cấp vốn điều lệ, cấp bù lãi suất tín dụng ưu đãi, phí quản lý theo quy định của Luật Đầu tư công:

Việc đăng ký nhu cầu, phân bổ, quản lý và sử dụng vốn đầu tư công đối với lĩnh vực này phải tuân thủ theo đúng quy định của pháp luật về tổ chức và hoạt động và cơ chế quản lý tài chính của các tổ chức nêu trên, đảm bảo hiệu quả sử dụng vốn đầu tư công theo quy định của pháp luật.

c) Đầu tư cho lĩnh vực khu công nghiệp, khu kinh tế (KCN, KKT):

- Chi bố trí vốn đầu tư công cho dự án phù hợp quy hoạch, kế hoạch đầu tư công trung hạn, kế hoạch phát triển KCN/KKT, có khả năng tạo tác động lan tỏa và không trùng lặp với nghĩa vụ của nhà đầu tư hạ tầng KCN (bao gồm cả KCN trong KKT). Trường hợp thuộc nhiệm vụ đầu tư của NSNN, vốn đầu tư công chỉ tập trung đầu tư cho các hạng mục có tính chất công cộng, dùng chung, tạo hiệu ứng lan tỏa và không có khả năng thu hồi vốn trực tiếp hoặc không hấp dẫn khu vực tư nhân; không sử dụng vốn đầu tư công để thay thế trách nhiệm đầu tư của chủ đầu tư hạ tầng KCN, khu chức năng trong KKT hoặc hỗ trợ trực tiếp cho các hạng mục kinh doanh có khả năng thu hồi vốn.

- Về hạch toán kinh tế - xã hội, đánh giá hiệu quả đầu tư: Khi đề xuất dự án, cơ quan lập dự án phải thuyết minh rõ: lượng hóa đầy đủ chi phí ngân sách và lợi ích lan tỏa<sup>3</sup>. Không đánh giá hiệu quả đầu tư theo tỷ lệ giải ngân đơn thuần, mà phải đánh giá theo kết quả đầu ra và tác động sau đầu tư: diện tích KCN/KKT được kết nối hạ tầng, tỷ lệ lấp đầy, vốn đầu tư thu hút thêm, số dự án thứ cấp, số lao động, mức tăng thu ngân sách, giảm chi phí logistics, cải thiện môi trường đầu tư.

d) Đầu tư xây dựng kho tàng dự trữ quốc gia

Việc đầu tư xây dựng kho tàng dự trữ quốc gia đảm bảo phù hợp với các định hướng yêu cầu, nhiệm vụ tại Luật Dự trữ quốc gia, Luật Quy hoạch, Quyết định số 214/QĐ-TTg ngày 20/10/2025 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt quy hoạch tổng thể hệ thống kho dự trữ quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050; tập trung phê duyệt Hệ thống kho dự trữ quốc gia thuộc phạm vi quản lý của Bộ, ngành, địa phương quản lý hàng dự trữ quốc gia, hàng dự trữ chiến lược; Việc đầu tư hệ thống kho tàng, hạ tầng bảo quản, ứng dụng công nghệ hiện đại, xây dựng hệ thống kho dự trữ quốc gia thông minh, đáp ứng yêu cầu bảo quản lâu dài, an toàn, hiệu quả.

<sup>3</sup> Bao gồm: diện tích đất công nghiệp được kết nối; giá trị đất đai, hạ tầng và không gian phát triển được kích hoạt; khả năng thu hút dự án thứ cấp; số việc làm tạo ra; đóng góp ngân sách; giảm chi phí logistics; cải thiện môi trường đầu tư; tác động đến nhà ở công nhân, thiết chế xã hội, đô thị – dịch vụ và bảo vệ môi trường.

Đề nghị các Bộ, cơ quan trung ương và địa phương quan tâm triển khai thực hiện đảm bảo chất lượng và tiến độ theo chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ tại Chỉ thị số 16-CT/TTg ngày 23/4/2026./.

**Nơi nhận:**

- Như trên (danh sách kèm theo);
- Thủ tướng Chính phủ (để b/c);
- PTTg Nguyễn Văn Thắng (để b/c);
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tài chính: Lãnh đạo Bộ, các đơn vị;  
Các Cục QLN, DNTN, QLCS, ĐTNN, các Vụ:  
KTĐP, VI, PTHT, KTN, ĐCTC, QLQH;
- Lưu VT, Vụ NSNN (10b).



**Tạ Anh Tuấn**

**DANH SÁCH ĐƠN VỊ NHẬN VĂN BẢN**  
(đính kèm văn bản số 5302/BTC-NSNN ngày 28 tháng 04 năm 2026)

TT	Bộ, ngành, địa phương
	<b>Tổng số</b>
<b>A</b>	<b>Như nơi nhận</b>
<b>B</b>	<b>Các bộ, địa phương</b>
1	Văn phòng Quốc hội
2	Văn phòng Trung ương Đảng
3	Văn phòng Chủ tịch nước
4	Văn phòng Chính phủ
5	Tòa án nhân dân tối cao
6	Viện kiểm sát nhân dân tối cao
7	Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh
8	Bộ Quốc phòng
9	Bộ Công an
10	Bộ Ngoại giao
11	Bộ Tư pháp
12	Bộ Tài chính
13	Bộ Nông nghiệp và Môi trường
14	Bộ Công Thương
15	Bộ Xây dựng
16	Bộ Khoa học và Công nghệ
17	Bộ Giáo dục và Đào tạo
18	Bộ Y tế
19	Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch
20	Bộ Nội vụ
21	Thanh tra Chính phủ
22	Ngân hàng Nhà nước Việt Nam
23	Bộ Dân tộc và Tôn giáo
24	Viện Hàn lâm Khoa học Xã hội Việt Nam
25	Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam
26	Thông tấn xã Việt Nam
27	Đài tiếng nói Việt Nam
28	Đài Truyền hình Việt Nam
29	Kiểm toán Nhà nước
30	Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam
31	Đại học Quốc gia Hà Nội
32	Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh
33	Ngân hàng Phát triển Việt Nam
34	Ngân hàng Chính sách xã hội
35	Liên minh Hợp tác xã Việt Nam

<b>TT</b>	<b>Bộ, ngành, địa phương</b>
36	Tập đoàn Điện lực Việt Nam
37	Tổng công ty đầu tư phát triển đường cao tốc Việt Nam
	<b>Địa phương (UBND)</b>
1	Tuyên Quang
2	Cao Bằng
3	Lạng Sơn
4	Lào Cai
5	Thái Nguyên
6	Phú Thọ
7	Sơn La
8	Lai Châu
9	Điện Biên
10	Thành phố Hà Nội
11	Thành phố Hải Phòng
12	Quảng Ninh
13	Hưng Yên
14	Bắc Ninh
15	Ninh Bình
16	Thanh Hóa
17	Nghệ An
18	Hà Tĩnh
19	Quảng Trị
20	Thành phố Huế
21	Thành phố Đà Nẵng
22	Quảng Ngãi
23	Khánh Hòa
24	Đắk Lắk
25	Gia Lai
26	Lâm Đồng
27	Thành phố Hồ Chí Minh
28	Đồng Nai
29	Tây Ninh
30	Vĩnh Long
31	Thành phố Cần Thơ
32	An Giang
33	Đồng Tháp
34	Cà Mau